

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Yotrio Việt Nam ngày 02 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4179/TTr-CCBVMT ngày 10 tháng 12 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Yotrio Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô B, đường N6b, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy Công ty TNHH Yotrio Việt Nam có địa chỉ tại Lô B, đường N6b, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Công ty TNHH Yotrio Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B, đường N6b, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp 3703211546 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, cấp đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5460678875 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 3703211546.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bàn, ghế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất dự án 65.181 m<sup>2</sup>, bao gồm diện tích nhà xưởng sử dụng: 34.778,7 m<sup>2</sup>.

1.6.2. Quy mô:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công. Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư mới.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.6.3. Công suất: Bàn 200.000 sản phẩm/năm tương đương 5.000 tấn sản phẩm/năm; ghế 2.600.000 sản phẩm/năm tương đương 11.700 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất bàn: Nguyên liệu (*sắt, thép...*) => Tạo hình => Hàn => Mài => Làm sạch bề mặt => Sấy => Sơn tĩnh điện => Sấy, làm mát => Lắp ráp + phụ kiện nhựa, ngũ kim, kiềng => Đóng gói => Thành phẩm.

- Quy trình sản xuất ghế:

+ Nguyên liệu (*sắt, thép...*) => Tạo hình => Hàn => Mài => Làm sạch bề mặt => Sấy => Sơn tĩnh điện => Sấy, làm mát (1)

+ Nguyên liệu (*vải*) => Cắt => May (2)

(1) + (2) + phụ kiện nhựa, ngũ kim => Lắp ráp => Đóng gói => Thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo

Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Yotrio Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Yotrio Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép từ ngày.... tháng .... năm 2024 đến ngày 21 tháng 9 năm 2028.

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư Nhà máy Công ty TNHH Yotrio Việt Nam tại Lô B, đường N6b, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Yotrio Việt Nam theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Yotrio Việt Nam;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công thương;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Phú Chánh;
- Công ty TNHH Cheng Chia Wood;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang8.

**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**

**Phụ lục 1****YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường *(do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom, đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, không xả trực tiếp ra môi trường)*.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:**

+ Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà xưởng 1 *(nhà vệ sinh của nhà bảo vệ, nhà vệ sinh của nhà văn phòng và nhà vệ sinh cạnh nhà xưởng)* với lưu lượng 5,6 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng đường ống PVC D114 mm dẫn về công trình xử lý nước thải công suất 45 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà xưởng 2 *(nhà vệ sinh của nhà bảo vệ và nhà vệ sinh cạnh nhà xưởng)* với lưu lượng 4,4 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng đường ống PVC D114 mm dẫn về công trình xử lý nước thải công suất 45 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà xưởng 3 *(nhà vệ sinh của nhà bảo vệ, nhà vệ sinh của nhà văn phòng và nhà vệ sinh cạnh nhà xưởng)* với lưu lượng 5,2 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng đường ống PVC D114 mm dẫn về công trình xử lý nước thải công suất 45 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ nhà xưởng 4 *(nhà vệ sinh của nhà bảo vệ và nhà vệ sinh cạnh nhà xưởng)* với lưu lượng 4,4 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng đường ống PVC D114 mm dẫn về công trình xử lý nước thải công suất 45 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ nhà xưởng 5 *(nhà vệ sinh của nhà bảo vệ và nhà vệ sinh cạnh nhà xưởng)* với lưu lượng 4,4 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng đường ống PVC D114 mm dẫn về công trình xử lý nước thải công suất 45 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nguồn số 06: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại trước khi sơn của nhà xưởng 4 và nhà xưởng 5 với lưu lượng 16 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng đường ống PVC D168 mm, PVC D76mm *(đối với nước thải phát sinh từ nhà xưởng 4)*, đường ống PVC D220 mm *(đối với nước thải phát sinh từ nhà xưởng 5)* dẫn về công trình xử lý nước thải công suất 45 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Nước thải sau xử lý => Ống PVC D60mm => Hồ ga giám sát của Công ty => Hồ ga đầu nổi bên ngoài dự án trên đường N7 tiếp giáp phía Bắc của dự án (Tọa độ: X (m) = 1.224.826; Y (m) = 604.476 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )) => Công trình xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sản xuất => Bể thu gom kết hợp điều hòa => Bể keo tụ bậc 1 => Bể tạo bông bậc 1 => Bể lắng hoá lý bậc 1 => Bể keo tụ bậc 2 => Bể tạo bông bậc 2 => Bể lắng hoá lý bậc 2 => Bể trung gian + nước thải sinh hoạt (sau xử lý bằng bể tự hoại) => Bể sinh học SBR => Thiết bị khử trùng => Hồ ga giám sát của Công ty => Đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

+ Bùn thải từ bể lắng hóa lý bậc 1, bể lắng hóa lý bậc 2 và bể sinh học SBR => Bể chứa bùn => Máy ép bùn (công suất 60kg/8 giờ) => Thu gom, xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 45 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Chế độ vận hành: liên tục (24/24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, NaOH, Polymer anion, CaCl<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Clorine.

## **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành công trình xử lý nước thải và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự

cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của công trình xử lý nước thải tập trung.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Đối với sự cố hư hỏng thiết bị: giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; tiến hành thay thế bằng thiết bị dự phòng như máy bơm dự phòng, bơm định lượng dự phòng.... Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại công trình xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý.

+ Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khóa van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về hồ gom gần nhất. Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắt đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về công trình xử lý nước thải để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

+ Đối với công trình xử lý nước thải bị sự cố cần thời gian khắc phục: Công ty phải giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; đồng thời, nước thải sẽ được bơm về lại bể thu gom kết hợp điều hòa (*thể tích 14,7m<sup>3</sup>*) và bể trung gian (*thể tích 31,5 m<sup>3</sup>*) để lưu giữ trước khi tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn; trường hợp nước thải phát sinh vượt quá khả năng lưu chứa của hệ thống, Công ty sẽ dừng hoạt động để không làm phát sinh nước thải, đảm bảo không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Dự kiến 01 tháng (từ tháng 02 năm 2025 đến tháng 3 năm 2025).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí**

- 01 vị trí tại bể thu gom kết hợp điều hòa. Tọa độ: X (m) = 1.224.819; Y (m) = 604.456 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°*).

- 01 vị trí tại bể trung gian. Tọa độ: X (m) = 1.224.818; Y (m) = 604.458 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°*).

- 01 vị trí tại hồ ga giám sát của Công ty. Tọa độ: X (m) = 1.224.826; Y (m) = 604.480 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°*).

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của công trình xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Phú Chánh 1
01	pH	--	5,5 đến 9
02	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
03	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	400
04	COD	mg/l	500
05	Tổng Nitơ	mg/l	60
06	Tổng Phốt pho (theo P)	mg/l	10
07	Amoni (tính theo N)	mg/l	25
08	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
09	Kẽm (Zn)	mg/l	3
10	Florua (F)	mg/l	10
11	Sắt	mg/l	1
12	Coliform	MPN/100ml	5.000

### 2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải tại bể thu gom kết hợp điều hòa, 01 mẫu nước thải tại bể trung gian và 03 mẫu nước thải tại hố ga giám sát của công trình xử lý nước thải) trong 03 ngày liên tiếp.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải theo đúng quy hoạch chung của cơ sở, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần B phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau làm sạch bề mặt tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau công đoạn phun sơn tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 03: Bụi sơn phát sinh từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau làm sạch bề mặt tại nhà xưởng 5.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau công đoạn phun sơn tại nhà xưởng 5.
- Nguồn số 06: Bụi sơn phát sinh từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3 <sup>0</sup> )
1	01 - 02	01	Ống thải sau công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau làm sạch bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4	X (m) = 1.224.820; Y (m) = 604.364
2	03	02	Ống thải sau 02 công trình xử lý bụi sơn từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4	X (m) = 1.224.812; Y (m) = 604.371
3	04 - 05	03	Ống thải sau công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau làm sạch bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5	X (m) = 1.224.819; Y (m) = 604.483
4	06	04	Ống thải sau 02 công trình xử lý bụi sơn từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5	X (m) = 1.224.813; Y (m) = 604.469

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 42.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 42.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải (QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, K<sub>p</sub> = 0,8; K<sub>v</sub> = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01 - 03				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	01 lần/năm	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Vinyl clorua	mg/Nm <sup>3</sup>	20		
II	Dòng khí thải số 02 - 04				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	128		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh để đưa về công trình xử lý

**bụi và khí thải:**

- Nguồn số 01 - 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau công đoạn làm sạch bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4 được thu gom bằng 01 quạt hút ly tâm (*công suất thiết kế  $12.600\text{ m}^3/\text{giờ}$* ) qua các đường ống dẫn về công trình xử lý khí thải.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4 được thu gom bằng 02 quạt hút ly tâm (*công suất thiết kế  $31.000\text{ m}^3/\text{giờ/quạt}$* ) qua các đường ống dẫn về 02 công trình xử lý khí thải.

- Nguồn số 04 - 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau công đoạn làm sạch bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện xưởng 5 được thu gom bằng 01 quạt hút ly tâm (*công suất thiết kế  $12.600\text{ m}^3/\text{giờ}$* ) qua các đường ống dẫn về công trình xử lý khí thải.

- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5 được thu gom bằng 02 quạt hút ly tâm (*công suất thiết kế  $31.000\text{ m}^3/\text{giờ/quạt}$* ) qua các đường ống dẫn về 02 công trình xử lý khí thải.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

1.2.1. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau công đoạn làm sạch bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải => Chụp hút => Ống nhánh => Ống chính => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (*dạng hộp, kích thước  $2,8\text{m} \times 1\text{m} \times 1,25\text{m}$* ) => Quạt hút (*công suất thiết kế  $12.600\text{ m}^3/\text{giờ}$* ) => Ống thải cao 13m (*tính từ mặt đất*), D600mm (*ống thép*).

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Tổng công suất thiết kế:  $12.600\text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Lưu lượng thải thực (*do tổn thất áp*):  $10.500\text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 800 kg/năm, tần suất thay than 04 lần/năm (*03 tháng/lần*).

- Số lượng ống thải: 01.

1.2.2. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau công đoạn làm sạch bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải => Chụp hút => Ống nhánh => Ống chính => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (*dạng hộp, kích thước  $2,8\text{m} \times 1\text{m} \times 1,25\text{m}$* ) => Quạt hút (*công suất thiết kế  $12.600\text{ m}^3/\text{giờ}$* ) => Ống thải cao 13m (*tính từ mặt đất*), D600mm (*ống thép*).

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Tổng công suất thiết kế:  $12.600\text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Lưu lượng thải thực (do tổn thất áp): 10.500 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 800 kg/năm, tần suất thay than 04 lần/năm (03 tháng/lần).

- Số lượng ống thải: 01.

1.2.3. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4.

Nhà xưởng có 01 buồng sơn (các súng phun sơn được bố trí đối diện nhau tại mỗi bên của những buồng sơn) và bố trí 02 hệ thống thu gom và xử lý bụi đi kèm có cùng công nghệ và công suất trước khi thoát ra môi trường qua 1 ống thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi => Miệng hút => Ống chính => Hệ thống lọc bụi cyclone chùm (kích thước 1,22mx1,22mx2m) => Hệ thống lọc bụi cartridge (kích thước 2,03mx1,6mx3m) => Quạt hút (công suất thiết kế 31.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống) => Ống thải cao 13m (tính từ mặt đất), D900mm (ống thép).

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Công suất thiết kế: 31.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

- Lưu lượng thải thực (do tổn thất áp): 21.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 42.000 m<sup>3</sup>/giờ (02 hệ thống cùng thoát khí ra 01 ống thải).

- Số lượng ống thải: 01.

1.2.4. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5.

Nhà xưởng có 01 buồng sơn (các súng phun sơn được bố trí đối diện nhau tại mỗi bên của những buồng sơn) và bố trí 02 hệ thống thu gom và xử lý bụi đi kèm có cùng công nghệ và công suất trước khi thoát ra môi trường qua 1 ống thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi => Miệng hút => Ống chính => Hệ thống lọc bụi cyclone chùm (kích thước 1,22mx1,22mx2m) => Hệ thống lọc bụi cartridge (kích thước 2,03mx1,6mx3m) => Quạt hút (công suất thiết kế 31.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống) => Ống thải cao 13m (tính từ mặt đất), D900mm (ống thép).

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Công suất thiết kế: 31.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

- Lưu lượng thải thực (do tổn thất áp): 21.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 42.000 m<sup>3</sup>/giờ (02 hệ thống cùng thoát khí ra 01 ống thải).

- Số lượng ống thải: 01.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, nếu khí thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Công ty phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; có nhật ký vận hành công trình xử lý khí thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng, lượng điện tiêu thụ,... để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của công trình xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm công trình hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Dự kiến trong 01 tháng (từ tháng 02 năm 2025 đến tháng 3 năm 2025).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- Vị trí số 01: Tại ống thải số 01 (sau công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau làm sạch bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4). Tọa độ: X (m) = 1.224.820; Y (m) = 604.364.

- Vị trí số 02: Tại ống thải số 02 (sau 02 công trình xử lý bụi sơn từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4). Tọa độ: X (m) = 1.224.812; Y (m) = 604.371.

- Vị trí số 03: Tại ống thải số 03 (sau công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau làm sạch bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5). Tọa độ: X (m) = 1.224.819; Y (m) = 604.483.

- Vị trí số 04: Tại ống thải số 04 (sau 02 công trình xử lý bụi sơn từ công đoạn phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5). Tọa độ: X (m) = 1.224.813; Y (m) = 604.469.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).*

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải:**

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn hiệu chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy mẫu bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải*).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

**Phụ lục 3**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực gia công 1 (khu vực hàn, khu vực máy tạo ren ốc, máy khoan bàn 3 mũi, máy khoan bàn 2 mũi, máy uốn ống, máy ép dẹp hai đầu, máy dập, máy thu nhỏ đầu ống, máy uốn ống đôi, máy mài, khoan bàn) tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 02: Khu vực gia công 2 (khu vực máy cắt tự động) tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 03: Khu vực may tại nhà xưởng 3.
- Nguồn số 04: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 05: Khu vực xử lý bề mặt tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 06: Công trình xử lý bụi từ công đoạn phun sơn tĩnh điện 1 tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 07: Công trình xử lý bụi từ công đoạn phun sơn tĩnh điện 2 tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 08: Công trình xử lý khí thải từ công đoạn sấy sau làm bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 4.
- Nguồn số 09: Khu vực gia công 1 (khu vực máy ép đầu nút, khoan bàn) tại nhà xưởng 5.
- Nguồn số 10: Khu vực gia công 2 (khu vực máy tạo ren ốc, máy khoan bàn 3 mũi, máy khoan bàn 2 mũi, máy uốn ống, máy ép dẹp hai đầu, máy lăn uốn ống, máy ép uốn ống, máy uốn ống đôi) tại nhà xưởng 5.
- Nguồn số 11: Khu vực gia công 3 (khu vực máy cắt tự động, máy cắt laser, máy dập 8 tấn, máy dập 16 tấn) tại nhà xưởng 5.
- Nguồn số 12: Khu vực gia công 4 (khu vực hàn, mài) tại nhà xưởng 5.
- Nguồn số 13: Khu vực xử lý bề mặt tại nhà xưởng 5.
- Nguồn số 14: Công trình xử lý bụi từ công đoạn phun sơn tĩnh điện 1 tại nhà xưởng 5.

- Nguồn số 15: Công trình xử lý bụi từ công đoạn phun sơn tĩnh điện 2 tại nhà xưởng 5.

- Nguồn số 16: Khu vực công trình xử lý khí thải từ công đoạn sấy sau làm bề mặt và sấy sau phun sơn tĩnh điện tại nhà xưởng 5.

- Nguồn số 17: Khu vực công trình xử lý nước thải.

## **2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X (m) = 1.224.764, Y (m) = 604.392.

- Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 1.224.729, Y (m) = 604.393.

- Nguồn số 03: Tọa độ X (m) = 1.224.735, Y (m) = 604.304.

- Nguồn số 04: Tọa độ X (m) = 1.224.776, Y (m) = 604.223.

- Nguồn số 05: Tọa độ X (m) = 1.224.796, Y (m) = 604.367.

- Nguồn số 06: Tọa độ X (m) = 1.224.793, Y (m) = 604.381.

- Nguồn số 07: Tọa độ X (m) = 1.224.786, Y (m) = 604.371.

- Nguồn số 08: Tọa độ X (m) = 1.224.823, Y (m) = 604.372.

- Nguồn số 09: Tọa độ X (m) = 1.224.799, Y (m) = 604.488.

- Nguồn số 10: Tọa độ X (m) = 1.224.764, Y (m) = 604.488.

- Nguồn số 11: Tọa độ X (m) = 1.224.726, Y (m) = 604.488.

- Nguồn số 12: Tọa độ X (m) = 1.224.753, Y (m) = 604.460

- Nguồn số 13: Tọa độ X (m) = 1.224.796, Y (m) = 604.457.

- Nguồn số 14: Tọa độ X (m) = 1.224.793, Y (m) = 604.473.

- Nguồn số 15: Tọa độ X (m) = 1.224.786, Y (m) = 604.464.

- Nguồn số 16: Tọa độ X (m) = 1.224.821, Y (m) = 604.486.

- Nguồn số 17: Tọa độ X (m) = 1.224.821, Y (m) = 604.473.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

## **3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26: 2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

### **3.1. Tiếng ồn:**



TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

### 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị để đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành; hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:

+ Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.

+ Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

+ Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn. Cách ly những thiết bị phát ra độ rung lớn bằng những rãnh cách xung quanh móng máy.

- Kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng hoặc gia công các chi tiết máy đặc biệt để khử rung.

- Trồng cây xanh xung quanh Nhà máy để giảm thiểu tiếng ồn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải	1.709,388	Bùn	07 01 04	NH
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	200	Lỏng	07 03 05	NH
3	Vật liệu dùng để mài đã qua sử dụng	100	Rắn	07 03 10	KS
4	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	399.520	Rắn	07 03 11	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	5,5	Rắn	16 01 06	NH
6	Các thiết bị linh kiện điện tử thải, đèn led	10	Rắn	16 01 13	NH
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	110	Lỏng	17 02 03	NH
8	Bao bì mềm (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	50	Rắn	18 01 01	KS
9	Bao bì cứng kim loại thải	200	Rắn	18 01 02	KS

10	Bao bì nhựa cứng thải dính thành phần nguy hại	100	Rắn	18 01 03	KS
11	Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	550	Rắn	18 02 01	KS
12	Pin, ắc quy chì thải	2,5	Rắn	19 06 05	NH
13	Than hoạt tính thải từ công trình xử lý khí thải	1.600	Rắn	19 12 03	KS
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>404.157,388</b>			

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải thông thường	08 02 04	Rắn	12
2	Giấy và bao bì giấy, thùng carton thải bỏ không chứa thành phần nguy hại	18 01 05	Rắn	3.572
3	Dây buộc nguyên liệu	18 01 11	Rắn	100
4	Phụ kiện nhựa hư hỏng	03 02 12	Rắn	1.420
5	Bùn từ bể tự hoại	12 06 13	Bùn	54
6	Phụ kiện kim loại hư hỏng	--	Rắn	1.604
7	Vải dư, hỏng	--	Rắn	9.945
8	Chỉ hư, lõi chỉ	--	Rắn	1,17
9	Kiểm vỡ	--	Rắn	800
<b>Tổng cộng</b>				<b>17.508,17</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn,...*); chất thải thực phẩm (*rau quả,*

*thực phẩm thừa,...*), chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng khoảng 270 kg/ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### ***2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:***

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 13 thùng loại 120 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại và trang bị các bao PP chống thấm để chứa bùn thải.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- 02 kho với tổng diện tích 80m<sup>2</sup> gồm 1 kho diện tích 20 m<sup>2</sup> và 1 kho diện tích 60 m<sup>2</sup> (*nằm bên ngoài xưởng sản xuất – khu vực phía sau Nhà xưởng 2*).

- Thiết kế, cấu tạo kho: Vách tole; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); móng, đà kiềng, cột, kèo bằng BTCT; nền bê tông lát gạch ceramic; khung lưới B40; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa); ... theo quy định.

### ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:***

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị các thùng chứa 240 lít để lưu chứa chất thải.

- Bùn phát sinh từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 6 tháng/lần.

#### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- 02 kho với tổng diện tích 90 m<sup>2</sup> gồm 1 kho diện tích 30 m<sup>2</sup> và 1 kho diện tích 60 m<sup>2</sup> (*nằm bên ngoài xưởng sản xuất – khu vực phía sau Nhà xưởng 1*).

- Thiết kế, cấu tạo: Vách tường bao xung quanh; nền đổ bê tông, đảm bảo kín khít, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

### ***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:***

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 12 thùng loại 50 lít (có nắp đậy) tại văn phòng, nhà vệ sinh; 08 thùng loại 240 lít (có nắp đậy) tại sân đường nội bộ, nhà ăn và khu tập trung chất thải.

### 2.3.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho diện tích 15 m<sup>2</sup> (*nằm bên ngoài xưởng sản xuất – khu vực phía sau Nhà xưởng 1*).

- Thiết kế, cấu tạo: Được xây dựng bằng tường gạch, có mái che, khung sắt, vỉ kè, nền đổ bê tông, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

### **2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại**

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; các loại rác khác*), chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, trang bị các bao bì, thùng chứa (*dán nhãn theo từng loại rác thải*) phù hợp để lưu giữ các loại chất thải.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương

3. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản liên quan. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của Công ty.

4. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu có công trình xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.

6. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

10. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông

thường theo quy định.

11. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.